

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HSST  
Ngày: 09 - 02 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Năng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Phan Ngọc Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Danh Thanh Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2017/HSST ngày 18/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST - HS ngày 23/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trần Thị Anh A, sinh năm: 1971, tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: k3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Trần Văn T (chết) và bà Trần Thị T1; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/9/2017 “có mặt”.

2. Bị cáo Trần Ngọc S, sinh năm: 1976, tại huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: k8, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Trần T2 và bà Nguyễn Thị H; Vợ tên Nguyễn Thị Thu H1 và 02 người con (sinh năm 2004 và sinh năm 2013) Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/9/2017 “có mặt”.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Bùi Thành Đ, sinh năm: 1986 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1968 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1985 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Đặng Minh B, sinh năm: 1983 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Bà Võ Ngọc Th, sinh năm: 1978 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Bà Bùi Thị Thu B1, sinh năm: 1950 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Cùng nơi cư trú: k3, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần Vĩnh Đ1, sinh năm: 1997 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Nơi cư trú: k6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đầu tháng 5 năm 2017, Trần Thị Anh A bắt đầu bán số lô, số đề và tự làm chủ. Hàng ngày A ở tại nhà (k3, thị trấn G, huyện G) bán cho những người có nhu cầu, hình thức bán trực tiếp hoặc thông qua tin nhắn điện thoại (số thuê bao 01238957850), bán nhỏ nhất 1000đ và lớn nhất 500.000đ, tỉ lệ ăn thua nếu mua số đầu, số đuôi 1000đ trúng 80.000đ đài Miền Nam, đài Hà Nội 1000đ tương ứng với 4000đ trúng 80.000đ, nếu bao lô đài Miền Nam 1000đ tương ứng 14.500đ trúng 80.000đ, đài Hà Nội 1000đ tương ứng với 22.500đ trúng 80.000đ. Khoảng 15 giờ, ngày 15/8/2017 A đang ghi số bán cho ông Nguyễn Văn M thì bị lực lượng công an bắt quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra Trần Thị Anh A khai nhận từ ngày 01/6/2017 đến trước khi bị bắt quả tang ngày 15/8/2017 bán số lô, số đề cho nhiều người, cụ thể như sau:

Ngày 01/6/2017, bán số tiền 725.000đ; Ngày 02/6/2017, bán số tiền 580.000đ; Ngày 08/6/2017, bán số tiền 450.000đ; Ngày 09/6/2017, bán số tiền 675.000đ; Ngày 10/6/2017, bán số tiền 3.210.000đ. Những ngày nêu trên đều bán cho bị cáo Trần Ngọc S, hình thức mua bán nhắn tin qua điện thoại và không có sổ trúng.

Ngày 11/6/2017, tiếp tục bán cho bị cáo Trần Ngọc S số tiền 6.275.000đ, tiền trúng 1.600.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 7.875.000đ. Hình thức mua bán nhắn tin qua điện thoại.

Ngày 06/7/2017, bán cho ông Đặng Minh B qua tin nhắn điện thoại số tiền 4.425.000đ, không có số trúng.

Ngày 26/7/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 số tiền 3.195.000đ, tiền trúng 8.000.000đ; bán cho bà M số tiền 3.150.000đ, tiền trúng 4.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 18.345.000đ.

Ngày 27/7/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 qua tin nhắn điện thoại số tiền 2.035.000đ, tiền trúng 11.600.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 13.635.000đ.

Ngày 28/7/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 số tiền 960.000đ và bán cho bà M số tiền 290.000đ; Ngày 29/7/2017, bán cho bà M số tiền 1.555.000đ, những lần mua bán nêu trên thông qua tin nhắn điện thoại và không có số trúng.

Ngày 02/8/2017, bán qua tin nhắn điện thoại cho ông C số tiền 50.000đ; Ngày 03/8/2017, bán được số tiền 1.985.000đ (không nhớ bán cho ai), không có số trúng.

Ngày 07/8/2017, số tiền bán trong ngày 22.772.000đ, tiền trúng 14.480.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 37.252.000đ, chỉ nhớ bán cho bà M số tiền 1.985.000đ, các con bạc khác A không nhớ được ai mua và ai trúng.

Ngày 09/8/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 qua tin nhắn điện thoại số tiền 1.125.000đ; Ngày 10/8/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 qua tin nhắn điện thoại số tiền 667.500đ và bán cho ông C qua tin nhắn điện thoại số tiền 120.000đ; Ngày 11/8/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 qua tin nhắn điện thoại số tiền 1.110.000đ và bán cho bà Võ Ngọc Th qua tin nhắn điện thoại số tiền 40.000đ; Ngày 12/8/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 qua tin nhắn điện thoại số tiền 1.350.000đ, bán cho ông Bùi Thành Đ qua tin nhắn điện thoại số tiền 580.000đ; Ngày 13/8/2017, bán cho bà Nguyễn Thúy H2 qua tin nhắn điện thoại số tiền là: 435.000đ, những ngày bán nêu trên đều không có số trúng.

Ngày 14/8/2017 bán số lô, số đề 04 đài (Đồng Tháp - Cà Mau - TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội) số tiền 37.781.000đ, tổng số tiền trúng trong ngày 36.800.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 14/8/2017 là 74.581.000đ. A chỉ nhớ bán cho bà Nguyễn Thúy H2 qua tin nhắn điện thoại số tiền 1.967.500đ, tiền trúng 8.400.000đ; Bán cho Trần Vĩnh Đ1 với số tiền 5000đ, không trúng; Bán cho Nguyễn Văn Ng số tiền 121.500đ, tiền trúng 560.000đ; Bán cho bà M số tiền 362.500đ, không có số trúng; Bán cho ông U số tiền là: 116.000đ, không có số trúng. Những con bạc khác A không nhớ được gồm những ai mua và trúng.

Ngày 15/8/2017, bán số đề cho các con bạc được số tiền 2.096.500đ, chỉ nhớ bán cho ông Nguyễn Văn M số tiền 115.000đ và bán cho bà Bùi Thị Thu B1 số tiền 30.000đ. Bán cho những người khác thì không nhớ.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Thị Anh A và Trần Ngọc S.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên là đúng.

Đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Thị Anh A và bị cáo Trần Ngọc S đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc.

Các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Ông Nguyễn Văn M, bà Võ Ngọc Th, ông Đặng Văn B, ông Trần Vĩnh Đ1, bà Bùi Thị Thu B1, ông Nguyễn Văn Ng và ông Bùi Thành Đ hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên xử phạt hành chính là đủ nghiêm. Riêng bà Nguyễn Thúy H2, bà M, ông C, ông U khi nào làm việc được sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Vật chứng trong vụ án:

- Một sim điện thoại số thuê bao 0962555447 của bị cáo S.
- Một điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, trong điện thoại có các tin nhắn thể hiện việc các con bạc mua số đề của A;
- Một sim điện thoại số thuê bao 01238957850;
- Tiền Việt Nam 2.096.500đ;
- Hai tờ giấy tập học sinh có ghi nhiều con số;
- Tám tờ giấy lịch có ghi nhiều con số;

- Một tờ giấy trắng loại A4 một mặt có ghi nhiều con số, mặt còn lại thể hiện lệnh thanh toán của ngân hàng Agribank;
- Một tờ giấy trắng loại A4 cắt nhỏ có ghi nhiều con số;
- Một tờ giấy bìa tập học sinh cắt nhỏ có ghi nhiều con số;
- Một tờ giấy màu vàng - trắng có ghi nhiều con số (các giấy tờ trên đều có chữ ký xác nhận của A) và hai cây viết mực xanh đã qua sử dụng. Đồ vật nêu trên của Trần Thị Anh A.

Bản cáo trạng số 68/VKS-KSĐT - TA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Trần Thị Anh A về tội “Đánh bạc” theo điểm b, khoản 2, Điều 248 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, truy tố bị cáo Trần Ngọc S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46, điểm g, khoản 1, Điều 48, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trần Thị Anh A từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

-Áp dụng khoản 1, Điều 248, điểm p - h, khoản 1, Điều 46, Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen của bị cáo A; Số tiền 2.096.500đ bị bắt quả tang ngày 15/8/2017; Số tiền 1.600.000đ do bị cáo S thu lợi bất chính.

- Buộc bị cáo A phải nộp số tiền thu lợi bất chính trong các ngày 01/6/2017, 02/6/2017, 08/6/2017, 09/6/2017, 10/6/2017, 11/6/2017, 06/7/2017, 26/7/2017, 27/7/2017, 28/7/2017, 29/7/2017, 02/8/2017, 03/8/2017, 07/8/2017, 09/8/2017, 10/8/2017, 11/8/2017, 12/8/2017, 13/8/2017, 14/8/2017. Tổng cộng 95.540.500đ nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng 20.000.000đ.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- Một Sim điện thoại số thuê bao 01238957850;
- Một Sim điện thoại số thuê bao 0962555447;
- Hai tờ giấy tập học sinh có ghi nhiều con số;

- Tám tờ giấy lịch có ghi nhiều con số;
- Một tờ giấy trắng loại A4 một mặt có ghi nhiều con số, mặt còn lại thể hiện lệnh thanh toán của ngân hàng Agribank;
- Một tờ giấy trắng loại A4 cắt nhỏ có ghi nhiều con số;
- Một tờ giấy bìa tập học sinh cắt nhỏ có ghi nhiều con số;
- Một tờ giấy màu vàng - trắng có ghi nhiều con số. Các tờ giấy trên đều có chữ ký xác nhận của bị cáo A.
- Hai cây viết mực xanh đã qua sử dụng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Biết hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G - Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có yêu cầu hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Anh A khai nhận: Đầu tháng 05/2017 bị cáo bắt đầu bán số lô, số đề và tự làm chủ tại nhà. Hàng ngày bị cáo ở tại nhà bán trực tiếp cho những người có nhu cầu mua hoặc bán thông qua tin nhắn điện thoại, nếu có người mua nhắn tin qua tin nhắn điện thoại bị cáo nhắn trả lời “OK”. Ngày 15/8/2017 trong lúc đang ghi số bán cho ông Nguyễn Văn M thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong các ngày 01/6/2017, 02/6/2017, 08/6/2017, 09/6/2017, 10/6/2017, 11/6/2017, 06/7/2017, 26/7/2017, 27/7/2017, 28/7/2017, 29/7/2017, 02/8/2017, 03/8/2017, 07/8/2017, 09/8/2017, 10/8/2017, 11/8/2017, 12/8/2017, 13/8/2017, 14/8/2017 có bán số lô, số đề cụ thể như bản cáo trạng là đúng.

Bị cáo Trần Ngọc S khai nhận: Trong các ngày 01/6/2017, 02/6/2017, 08/6/2017, 09/6/2017, 10/6/2017, 11/6/2017 có mua số lô, số đề do bị cáo A bán như cáo trạng nêu là đúng. Riêng ngày 11/6/2017 bị cáo mua số tiền 6.275.000đ, tiền trúng 1.600.000đ. Tổng số tiền đánh bạc trong ngày 7.875.000đ. Những ngày còn lại không có số trúng.

Như vậy cho thấy, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: Tội đánh bạc.

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên;

c) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.

.....  
Đôi chiếu hành vi trên của các bị cáo với quy định của Bộ luật hình sự đã đủ căn cứ kết luận: Bị cáo A và bị cáo S phạm tội “Đánh bạc”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo A và bị cáo S với tội danh và Điều luật được dẫn dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo A có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo S phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm

2009. Bị cáo A hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi mẹ già không còn tuổi lao động được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo A được hưởng án treo là có căn cứ nên chấp nhận. Bởi lẽ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo không quá ba năm tù; có nhân thân tốt luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Vận dụng Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thấy có đầy đủ các điều kiện cho hưởng án treo.

Ngoài ra, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, trong điện thoại có các tin nhắn thể hiện việc các con bạc mua số đề của A.

- Số tiền 2.096.500đ; Số tiền 1.600.000đ.

- Buộc bị cáo A phải nộp số tiền thu lợi bất chính 95.540.500đ nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo tạm nộp 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu tiền số 00844 ngày 23/10/2017. Bị cáo còn phải tiếp tục nộp 75.540.500đ.

Tiêu hủy:

- Một Sim điện thoại số thuê bao: 01238957850; số seri: 49840 20002 15346 43348;

- Một Sim điện thoại số thuê bao 0962555447; không có số seri, trên sim có chữ “Viettel” và “Smart”;

- Hai tờ giấy tập học sinh có ghi nhiều con số;

- Tám tờ giấy lịch có ghi nhiều con số;

- Một tờ giấy trắng loại A4 một mặt có ghi nhiều con số, mặt còn lại thể hiện lệnh thanh toán của ngân hàng Agribank;

- Một tờ giấy trắng loại A4 cắt nhỏ có ghi nhiều con số;

- Một tờ giấy bìa tập học sinh cắt nhỏ có ghi nhiều con số;

- Một tờ giấy màu vàng - trắng có ghi nhiều con số. Các tờ giấy trên đều có chữ ký xác nhận của bà A.

- Hai cây viết mực xanh đã qua sử dụng.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Thị Anh A và bị cáo Trần Ngọc S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Thị Anh A và bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46, điểm g, khoản 1, Điều 48, Điều 33 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Anh A: 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám tháng). Thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án (ngày 09/02/2018).

Giao bị cáo Trần Thị Anh A cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang giám sát, quản lý trong thời gian thử thách. Trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1, Điều 248, điểm p - h, khoản 1, Điều 46, Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- Một điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, trong điện thoại có các tin nhắn thể hiện việc các con bạc mua số đề của bị cáo A.

- Số tiền 2.096.500đ (hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng), do ông Võ Thanh V nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số 00843 - 00959 ngày 19/10/2017.

- Số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng), do bị cáo Trần Ngọc S nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số 00846 ngày 19/10/2017.

- Buộc bị cáo Trần Thị Anh A phải nộp số tiền thu lợi bất chính 95.540.500đ nhưng được khấu trừ vào số tiền bị cáo tạm nộp 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu tiền số 00844 ngày 23/10/2017. Bị cáo còn phải tiếp tục nộp 75.540.500đ (bảy mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng).

Tiêu hủy:

- Một Sim điện thoại số thuê bao 01238957850; số seri: 49840 20002 15346 43348;

- Một Sim điện thoại số thuê bao 0962555447; không có số seri, trên sim có chữ “Viettel” và “ Smart”;

- Hai tờ giấy tập học sinh có ghi nhiều con số;

- Tám tờ giấy lịch có ghi nhiều con số;

- Một tờ giấy trắng loại A4 một mặt có ghi nhiều con số, mặt còn lại thể hiện lệnh thanh toán của ngân hàng Agribank;

- Một tờ giấy trắng loại A4 cắt nhỏ có ghi nhiều con số;

- Một tờ giấy bìa tập học sinh cắt nhỏ có ghi nhiều con số;

- Một tờ giấy màu vàng - trắng có ghi nhiều con số. Các tờ giấy trên đều có chữ ký xác nhận của bà A.

- Hai cây viết mực xanh đã qua sử dụng.

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Thị Anh A và bị cáo Trần Ngọc S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các Bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09/02/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan điều tra;
- CQ Thi hành án huyện;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Văn Năng**